

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 28

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A1	Nguyễn Vũ Phương Anh	24/05/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110102	
2	11A1	Nguyễn Tấn Đạt	23/03/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110107	
3	11A1	Trương Kim Long	14/04/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110112	
4	11A1	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	04/09/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110120	
5	11A1	Lê Thụy Ngân Quỳnh	01/09/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110123	
6	11A1	Đặng Công Sơn	01/05/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110124	
7	11A1	Trương Quang Vũ	21/12/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110136	
8	11A2	Nguyễn Xuân Khang	04/11/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110211	
9	11A2	Võ Đăng Khoa	10/03/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110214	
10	11A2	Phạm Nguyên Lâm	18/12/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110215	
11	11A2	Hoa Tường Minh	01/06/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110218	
12	11A2	Mai Phương Nhi	15/10/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110221	
13	11A2	Bùi Anh Quân	23/12/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110224	
14	11A2	Ngô Minh Tân	12/05/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110228	
15	11A2	Nguyễn Anh Tuấn	16/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110230	
16	11A3	Nguyễn Trung Anh	15/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110303	
17	11A3	Đặng Gia Hân	14/01/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110309	
18	11A3	Nguyễn Thanh Phương	09/10/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110326	
19	11A3	Lê Đức Tín	13/07/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110331	
20	11A3	Trương Bửu Tín	05/06/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110332	
21	11A3	Đào Anh Tuấn	24/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110333	
22	11A3	Trần Hưng Thịnh	13/09/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110337	
23	11A3	Trương Thị Ngọc Thu	26/05/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110338	
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 29

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A1	Tô Thái An	02/08/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110101	
2	11A1	Đỗ Gia Hân	08/05/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110108	
3	11A1	Hứa Vi Linh	25/03/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110111	
4	11A1	Nguyễn Minh Mẫn	15/06/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110113	
5	11A1	Nguyễn Trọng Nhân	29/11/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110117	
6	11A1	Nguyễn Đức Minh Tân	04/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110125	
7	11A1	Trần Bảo Trân	09/01/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110131	
8	11A1	Nguyễn Đức Trung	02/07/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110133	
9	11A1	Nguyễn Minh Trường	22/08/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110134	
10	11A1	Trịnh Thanh Khánh Vy	08/07/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110138	
11	11A2	Đặng Bùi Minh Đức	19/09/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110205	
12	11A2	Dương Minh Hiền	14/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110206	
13	11A2	Nguyễn Quang Khải	26/06/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110210	
14	11A2	Trần Anh Khoa	03/05/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110212	
15	11A2	Nguyễn Ngọc Gia Lân	26/11/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110216	
16	11A2	Dương Trúc Nhi	07/10/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110220	
17	11A2	Dư Quốc Thuận	03/04/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110231	
18	11A3	Nguyễn Ngọc Hân	19/01/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110310	
19	11A3	Ngô Hữu Gia Huy	20/01/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110311	
20	11A3	Đàm Nguyễn Trọng Lễ	25/05/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110318	
21	11A3	Ngô Thành Nam	05/07/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110322	
22	11A3	Nguyễn Xuân Anh Tuấn	06/02/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110334	
23	11A3	Nguyễn Bá Tùng	12/01/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110335	
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 30

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A1	Lê Ngọc Phương Chi	08/08/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110104	
2	11A1	Ngô Quốc Duy	26/08/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110105	
3	11A1	Trần Thụy Hồng Ngọc	05/05/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110115	
4	11A1	Võ Châu Khôi Nguyên	30/06/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110116	
5	11A1	Nguyễn Quang Nhật	02/01/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110118	
6	11A1	Võ Nguyên Minh Nhật	08/01/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110119	
7	11A1	Tăng Duy Thịnh	28/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110128	
8	11A1	Đặng Cao Ngọc Trâm	02/05/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110130	
9	11A1	Lâm Trường Vũ	05/09/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110135	
10	11A2	Uông Sỹ An	15/11/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110202	
11	11A2	Hoàng Phúc Anh	18/12/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110203	
12	11A2	Cao Thái Bình	01/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110204	
13	11A2	Nguyễn Võ Trung Hưng	07/09/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110207	
14	11A2	Lê Bảo Kha	01/11/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110209	
15	11A2	Trần Quang Khoa	17/02/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110213	
16	11A2	Vương Mai Linh	06/10/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110217	
17	11A2	Nguyễn Vũ Hoàng Tâm	09/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110227	
18	11A2	Lý Bích Trân	16/01/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110233	
19	11A3	Lê Nhật Anh	20/08/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110302	
20	11A3	Nguyễn Đạt Hồng Hạnh	17/03/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110308	
21	11A3	Nguyễn Anh Kiệt	02/12/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110313	
22	11A3	Nguyễn Trọng Nhân	05/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110324	
23	11A3	Phạm Đăng Quang	11/07/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110330	
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 31

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A1	Trần Ngọc Minh Anh	01/10/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110103	
2	11A1	Ngô Tấn Đạt	30/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110106	
3	11A1	Lê Hoàng Gia Khang	14/07/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110109	
4	11A1	Hoàng Nguyễn Hồng Lam	21/10/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110110	
5	11A1	Phạm Kim Ngân	19/10/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110114	
6	11A1	Hoàng Kiến Quốc	24/05/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110121	
7	11A1	Thái Phạm Hồng Quyên	28/10/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110122	
8	11A1	Trần Ngọc Tân	26/02/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110126	
9	11A1	Phạm Nguyễn Thiên Thanh	19/11/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110127	
10	11A1	Nguyễn Anh Thy	16/12/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110129	
11	11A1	Hà Tố Trinh	24/05/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110132	
12	11A1	Lưu Ngọc Khánh Vy	02/07/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110137	
13	11A2	Nguyễn Duy An	30/09/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110201	
14	11A2	Nguyễn Tuấn Kiệt	15/10/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110208	
15	11A2	Lê Hoàng Nam	19/06/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110219	
16	11A2	Trương Yến Nhi	27/10/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110222	
17	11A2	Phan Lê Thịnh Phát	24/02/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110223	
18	11A2	Phan Thị Thảo Quyên	12/03/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110225	
19	11A2	Phạm Huyền Thủy Tiên	30/11/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110229	
20	11A2	Nguyễn Bích Thùy	26/04/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110232	
21	11A2	Vũ Lương Minh Triết	18/01/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110234	
22	11A3	Trần Thị Thảo Kim	10/06/2004	Nữ	A(Toán, Lý, Hóa)	110314	
23	11A3	Nguyễn Ân Khoa	10/07/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110316	
24	11A3	Nguyễn Phước Nhật Quang	07/05/2004	Nam	A(Toán, Lý, Hóa)	110329	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 32

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Đoàn Thị Lan Anh	24/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110503	
2	11A5	Hồ Viết Bách	06/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110506	
3	11A6	Nguyễn Đỗ Hoàng Diệu	02/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110610	
4	11A6	Lâm Vĩnh Khang	05/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110620	
5	11A6	Vũ Minh Khoa	04/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110623	
6	11A6	Nguyễn Nam Nguyên	02/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110626	
7	11A6	Trần Thái Thanh Phương	08/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110634	
8	11A7	Nguyễn Ngọc Thanh Hiền	24/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110708	
9	11A7	Trần Nhật Nguyễn	15/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110727	
10	11A7	Nguyễn Hoàng Nhân	10/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110728	
11	11A7	Nguyễn Thành Nhân	30/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110729	
12	11A7	Lâm Võ Minh Tuấn	02/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110736	
13	11A8	Nguyễn Nhung Gấm	02/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110809	
14	11A8	Đoàn Nguyễn Xuân Hải	07/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110811	
15	11A8	Phạm Bảo Long	08/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110824	
16	11A8	Lê Minh Phúc	26/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110831	
17	11A8	Lê Quang Thông	06/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110839	
18	11A8	Bùi Phúc Mai Thy	24/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110841	
19	11A8	Nguyễn Trần Thanh Trúc	14/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110844	
20	11A8	Đinh Quang Trường	27/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110845	
21	11A9	Nguyễn Phúc Bảo	29/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110902	
22	11A9	Quách Mai Tiến Đạt	01/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110905	
23	11A9	Trần Phi Long	15/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110919	
24	11A9	Nguyễn Thị Quỳnh	09/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110934	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 33

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Sầm Gia Hân	27/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110513	
2	11A5	Lưu Đức Minh	11/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110522	
3	11A5	Huỳnh Minh Quân	18/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110533	
4	11A5	Lê Nhật Quân	15/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110534	
5	11A5	Lê Thái Sang	05/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110535	
6	11A6	Dương Nguyễn Thúy Hằng	22/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110612	
7	11A6	Trịnh Lê Minh Kha	29/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110619	
8	11A6	Nguyễn Hoàng Long	15/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110624	
9	11A6	Dương Hoàng Minh Quân	10/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110636	
10	11A6	Nguyễn Minh Trâm	29/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110643	
11	11A7	Nguyễn Cửu Kha	05/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110718	
12	11A7	Hoàng Minh Thư	06/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110738	
13	11A7	Phạm Minh Trí	28/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110740	
14	11A7	Đặng Thụy Thùy Vân	06/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110742	
15	11A7	Trần Phi Vân	05/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110743	
16	11A7	Trần Vũ Xuân Vy	02/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110745	
17	11A8	Lê Nhật Huy	21/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110816	
18	11A8	Phạm Nguyễn Minh Khang	20/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110819	
19	11A9	Đinh Thị Kim Hạnh	26/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110909	
20	11A9	Đặng Minh Khang	29/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110915	
21	11A9	Dương Quang Lộc	09/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110920	
22	11A9	Nguyễn Thảo Ngọc	29/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110925	
23	11A9	Thái Phạm Bảo Phương	03/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110932	
24	11A9	Vũ Ngọc Thu Trâm	04/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110944	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 34

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Nguyễn Ngọc Liên An	03/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110502	
2	11A5	Nguyễn Minh Anh	18/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110504	
3	11A5	Lê Minh Hải	03/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110511	
4	11A5	Lê Minh Quan Lộc	16/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110521	
5	11A5	Nguyễn Khuê Tú	27/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110536	
6	11A6	Nguyễn Thị Mai Anh	04/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110605	
7	11A6	Hứa Nguyễn Minh Hiền	09/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110615	
8	11A6	Phạm Lâm Anh Nguyễn	20/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110627	
9	11A6	Phan Nguyễn Đăng Phát	19/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110633	
10	11A6	Phạm Mạnh Trung	01/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110645	
11	11A7	Trần Đình Huy	16/12/2003	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110713	
12	11A7	Lại Minh Khang	09/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110719	
13	11A7	Nguyễn Đình Khôi	20/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110722	
14	11A7	Đào Yến Như	24/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110732	
15	11A7	Nguyễn Ái Vy	09/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110744	
16	11A8	Lê Hoàng Duy	14/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110805	
17	11A8	Lê Trung Hiếu	13/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110814	
18	11A8	Bùi Quang Huy	04/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110815	
19	11A8	Trần Hoàng Long	11/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110825	
20	11A8	Đào Ngọc Minh	03/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110827	
21	11A8	Trương Khải Nguyên	02/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110829	
22	11A8	Lương Minh Quân	01/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110834	
23	11A9	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	19/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110913	
24	11A9	Nguyễn Phước Hồng Phúc	11/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110929	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 35

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Huỳnh Lê Duy Khánh	27/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110518	
2	11A5	Ngô Nhật Minh	14/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110523	
3	11A5	Bạch Giang Nguyên	10/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110526	
4	11A6	Đinh Nhật Anh	30/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110603	
5	11A6	Nguyễn Ngọc Thái Bằng	02/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110608	
6	11A6	Ngô Hoàng Khánh Duy	29/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110611	
7	11A6	Thái Thùy Khanh	01/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110622	
8	11A7	Nguyễn Tuấn Mạnh Đức	22/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110706	
9	11A7	Lê Nam Huân	06/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110711	
10	11A7	Phạm Lê Hữu	22/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110714	
11	11A7	Đặng Tấn Kiệt	13/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110715	
12	11A7	Thái Nguyễn Thiên Kim	25/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110717	
13	11A7	Bùi Ngọc Phương Nghi	16/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110726	
14	11A7	Quản Thị Minh Thư	29/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110739	
15	11A8	Nguyễn Thái Thiên Bảo	26/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110803	
16	11A8	Nguyễn Nam Đức	01/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110808	
17	11A8	Dương Hải Nam	10/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110828	
18	11A8	Đoàn Quốc Thắng	25/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110837	
19	11A9	Nguyễn Trí Dũng	12/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110903	
20	11A9	Trần Công Minh Đức	16/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110906	
21	11A9	Phan Văn Duy Lương	07/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110921	
22	11A9	Đỗ Xuân Tinh	21/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110935	
23	11A9	Nguyễn Ngọc Lam Thanh	27/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110937	
24	11A9	Nguyễn Trần Đan Thanh	01/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110938	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 36

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Thân Mai Hân	02/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110514	
2	11A5	Nguyễn Tuấn Kỳ	20/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110517	
3	11A5	Trần Ngọc Đăng Khoa	02/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110519	
4	11A5	Nguyễn Hoàng Yên Ngọc	30/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110525	
5	11A5	Nguyễn Quang Thắng	25/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110542	
6	11A5	Giảng Cẩm Thư	22/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110543	
7	11A6	Nguyễn Hà Quốc An	12/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110601	
8	11A6	Đoàn Thị Mỹ Anh	28/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110604	
9	11A6	Trần Ngọc Gia Hân	05/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110614	
10	11A6	Nguyễn Hiếu Kha	26/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110618	
11	11A6	Nguyễn Hoàng Bảo Nhi	02/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110629	
12	11A6	Nhâm Nhật Tân	27/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110638	
13	11A6	Nguyễn Hoàng Thanh Thanh	22/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110639	
14	11A6	Nguyễn Phước Minh Thanh	29/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110640	
15	11A6	Thái Nguyễn Phương Uyên	20/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110646	
16	11A7	Hoàng Lê Nhật Anh	12/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110701	
17	11A7	Đặng Kim Hoàng	03/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110709	
18	11A7	Nguyễn Văn Gia Huy	18/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110712	
19	11A7	Đỗ Trần Hạnh Ly	10/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110724	
20	11A7	Phạm Thị Thu Nhi	11/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110731	
21	11A8	Trần Minh Khôi	25/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110823	
22	11A8	Trần Phạm Quỳnh Như	20/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110830	
23	11A9	Nguyễn Minh Hào	01/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110910	
24	11A9	Nguyễn Thảo Trang	19/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110943	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 37

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Nông Bội Bội	20/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110508	
2	11A5	Hồ Nguyễn Đức	03/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110510	
3	11A5	Lê Đình Nguyên	30/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110527	
4	11A6	Đinh Thị Thanh Bình	07/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110609	
5	11A6	Trần Ý Nhi	03/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110631	
6	11A6	Nguyễn Trường Phát	17/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110632	
7	11A6	Nguyễn Kim Trường Thịnh	07/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110641	
8	11A7	Lê Bảo Châu	17/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110703	
9	11A7	Trần Ngọc Thu Phương	06/10/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110735	
10	11A7	Đặng Ngọc Minh Thư	29/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110737	
11	11A7	Lê Hoàng Gia Nghi	04/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110746	CT đến (HK2)
12	11A8	Đặng Trịnh Anh Duy	11/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110804	
13	11A8	Đỗ Trung Kiên	19/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110817	
14	11A8	Nguyễn Hoàng Mai	06/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110826	
15	11A8	Lê Nguyễn Minh Quân	31/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110833	
16	11A8	Vũ Ngọc Bảo Trân	27/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110842	
17	11A8	Lâm Quốc Việt	03/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110846	
18	11A9	Nguyễn Lê Hữu An	04/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110901	
19	11A9	Nguyễn Bá Hải	10/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110908	
20	11A9	Lê Trần Gia Linh	11/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110918	
21	11A9	Vương Quý Mão	07/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110922	
22	11A9	Tổng Thị Thu Phương	18/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110931	
23	11A9	Nguyễn Tiến Toàn	26/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110936	
24	11A9	Trần Vũ Tường Vân	10/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110946	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 38

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Mai Phạm Thế Thanh	13/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110538	
2	11A6	Ngô Quang Bách	12/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110606	
3	11A6	Lý Ngọc Hân	19/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110613	
4	11A6	Lê Minh Hoàng	30/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110616	
5	11A6	Phạm Hưng	02/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110617	
6	11A6	Phạm Ngọc Cát Nghi	10/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110625	
7	11A7	Nguyễn Huy Bình Dương	14/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110704	
8	11A7	Phạm Minh Hoàng	14/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110710	
9	11A7	Vy Thị Quỳnh Như	01/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110733	
10	11A7	Nguyễn Thành Phát	23/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110734	
11	11A7	Bùi Hoàng Uyên	11/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110741	
12	11A8	Nguyễn Ngọc Thùy Duyên	07/05/2003	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110807	
13	11A8	Trần Thanh Hằng	23/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110813	
14	11A8	Phan Hoàng Minh Khôi	24/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110822	
15	11A8	Trịnh Phạm Minh Phương	23/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110832	
16	11A8	Võ Nguyễn Thiên Tân	11/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110836	
17	11A8	Nguyễn Trần Anh Thư	09/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110840	
18	11A9	Tạ Mạnh Hùng	06/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110911	
19	11A9	Trương Ngọc Hương	31/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110912	
20	11A9	Bùi Duy Minh	16/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110923	
21	11A9	Nguyễn Nữ Như Ngọc	05/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110924	
22	11A9	Trần Thị Minh Ngọc	28/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110926	
23	11A9	Bùi Huy Thanh Thảo	10/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110939	
24	11A9	Võ Ngọc Anh Thư	17/11/2003	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110941	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 39

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Đặng Thùy An	14/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110501	
2	11A5	Phan Minh Dũng	07/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110509	
3	11A5	Phạm Đông Nghi	04/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110524	
4	11A5	Cao Trọng Phước	17/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110529	
5	11A5	Dương Mai Phương	19/08/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110530	
6	11A5	Nguyễn Minh Tuấn	03/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110537	
7	11A5	Đặng Phương Thảo	29/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110540	
8	11A6	Phạm Đỗ Duy Khang	05/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110621	
9	11A6	Nguyễn Thị Hồng Nhật	28/03/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110628	
10	11A7	Nguyễn Việt Đức	23/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110707	
11	11A7	Trương Minh Khôi	05/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110723	
12	11A7	Nguyễn Phương My	31/05/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110725	
13	11A7	Lương Minh Nhật	06/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110730	
14	11A8	Lê Tuệ Anh	28/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110802	
15	11A8	Nguyễn Cao Hoài Duyên	14/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110806	
16	11A8	Mai Ngọc Kiến Hào	06/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110812	
17	11A8	Nghiêm Duy Khang	02/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110818	
18	11A8	Phạm Hồng Diễm Quyên	13/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110835	
19	11A9	Dương Trung Hải	15/08/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110907	
20	11A9	Nguyễn Anh Khoa	16/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110917	
21	11A9	Nguyễn Minh Phúc	13/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110928	
22	11A9	Nguyễn Ngọc Uyên Phương	18/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110930	
23	11A9	Nguyễn Thị Hoài Thương	09/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110942	
24	11A9	Lê Thành Trung	02/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110945	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 40

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Phạm Văn Quang Huy	20/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110515	
2	11A5	Vũ Viết Hữu	21/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110516	
3	11A5	Nguyễn Bùi Thùy Linh	28/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110520	
4	11A5	Đoàn Hải Phong	12/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110528	
5	11A5	Ngô Hồng Quang	01/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110532	
6	11A5	Nguyễn Thị Phương Thanh	01/07/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110539	
7	11A5	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	21/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110544	
8	11A6	Cao Nguyễn Lan Anh	27/12/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110602	
9	11A6	Nguyễn Thái Bảo	11/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110607	
10	11A6	Nguyễn Yến Nhi	11/11/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110630	
11	11A6	Nguyễn Đình Quang	16/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110635	
12	11A6	Nguyễn Công Sơn	31/07/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110637	
13	11A6	Trần Văn Tấn Thịnh	16/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110642	
14	11A6	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	22/01/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110644	
15	11A7	Phạm Hoàng Minh Anh	26/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110702	
16	11A7	Nguyễn Võ Linh Đan	05/09/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110705	
17	11A7	Phạm Tuấn Khanh	23/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110720	
18	11A8	Trương Phạm Kim Khoa	30/11/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110820	
19	11A8	Bùi Đức Thiện	05/10/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110838	
20	11A9	Hà Kỳ Duyên	24/04/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110904	
21	11A9	Nguyễn Ích Kiệt	14/06/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110914	
22	11A9	Hoàng Hải Phong	10/09/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110927	
23	11A9	Lê Chánh Anh Quân	09/12/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110933	
24	11A9	Ngô Đình Minh Thuận	12/05/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110940	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 41

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A5	Nguyễn Thùy Anh	17/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110505	
2	11A5	Võ Ngọc Bảo	23/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110507	
3	11A5	Lê Nguyên Phương	03/02/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110531	
4	11A5	Nguyễn Thiện Thanh Thảo	21/06/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110541	
5	11A5	Phan Đặng Nhật Trường	26/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110545	
6	11A7	Phạm Anh Kiệt	16/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110716	
7	11A7	Phan Anh Khoa	18/01/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110721	
8	11A8	Lê Tuấn Anh	07/04/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110801	
9	11A8	Phạm Thu Hà	07/02/2004	Nữ	A1(Toán, Lý, Anh)	110810	
10	11A8	Hoàng Đức Trọng	30/03/2004	Nam	A1(Toán, Lý, Anh)	110843	
11	11A10	Lê Hoàng Linh An	01/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111001	
12	11A10	Diêu Hà Khiêm	14/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111018	
13	11A10	Nguyễn Phương Linh	08/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111021	
14	11A11	Đinh Hoàng Thiên Ân	22/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111110	
15	11A11	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	19/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111123	
16	11A11	Nguyễn Thị Thùy Trang	04/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111141	
17	11A13	Lê Xuân Đồng	02/11/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111307	
18	11A13	Nguyễn Trần Anh Khoa	03/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111316	
19	11A13	Trần Minh Ngọc	22/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111323	
20	11A13	Phan Hồng Phương	31/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111328	
21	11A14	Trần Lê Hải Anh	02/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111405	
22	11A14	Nguyễn Ngọc Xuân Hằng	10/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111413	
23	11A14	Trịnh Thảo Nguyên	31/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111434	
24	11A14	Huỳnh Thanh Trúc	03/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111441	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: **42**

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Phan Thùy Thái An	01/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111002	
2	11A10	Omote Minh Ngọc	17/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111026	
3	11A10	Võ Thị Kim Ngọc	07/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111028	
4	11A10	Lê Ngọc Bảo Trân	31/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111043	
5	11A10	Nguyễn Phạm Hoàng Việt	28/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111045	
6	11A11	Võ Hoàng Thúy An	03/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111103	
7	11A11	Phan Diễm Quỳnh Anh	14/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111108	
8	11A11	Trần Thụy Minh Châu	11/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111113	
9	11A11	Võ Thành Danh	01/09/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111114	
10	11A11	Nguyễn Quỳnh Như	18/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111131	
11	11A11	Nguyễn Ngọc Minh Thư	17/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111139	
12	11A12	Lê Thị Trâm Anh	07/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111204	
13	11A12	Trần Thị Minh Anh	04/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111205	
14	11A12	Trần Công Huy	17/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111210	
15	11A12	Dương Trần Hoàng Phước	14/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111227	
16	11A12	Đoàn Hàng Hương Quyên	26/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111231	
17	11A12	Trần Ngọc Tú Thanh	28/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111238	
18	11A12	Nguyễn Kim Thư	15/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111242	
19	11A12	Huỳnh Dũng Xuyên Việt	28/12/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111244	
20	11A13	Trần Anh Thư	17/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111334	
21	11A14	Lê Minh Anh	14/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111403	
22	11A14	Nguyễn Diệu Linh	08/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111426	
23	11A14	Nguyễn Phương Nghi	19/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111429	
24	11A15	Nguyễn Thiên Thiên	16/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111541	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: **43**

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Nguyễn Thái Hạnh Chi	05/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111006	
2	11A10	Nguyễn Xuân Huy	02/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111011	
3	11A10	Trần Thị Thu Hương	21/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111014	
4	11A10	Nguyễn Dương Ánh Linh	03/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111020	
5	11A10	Lê Thị Kim Ngân	06/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111023	
6	11A10	Đinh Kim Thảo	21/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111036	
7	11A10	Nguyễn Ngọc Minh Thư	04/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111040	
8	11A10	Nguyễn Thảo Vy	09/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111047	
9	11A10	Vũ Ngọc Bảo Châu	22/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111048	CT đến (HK2)
10	11A11	Nguyễn Đình Ân	15/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111111	
11	11A11	Phạm Đình Khôi	30/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111120	
12	11A11	Phạm Mai Ngọc	01/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111125	
13	11A11	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	16/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111128	
14	11A11	Vũ Ngọc Yến Nhi	30/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111129	
15	11A12	Phạm Thị Bích Hồng	21/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111209	
16	11A13	Ngô Gia Bảo	26/10/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111302	
17	11A13	Hồ Đăng Tuấn Khoa	16/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111315	
18	11A13	Nguyễn Phùng Phương Linh	11/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111318	
19	11A14	Phạm Đình Liêm	24/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111424	
20	11A14	Trương Nhật Gia Linh	01/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111427	
21	11A14	Nguyễn Phương Nghi	04/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111430	
22	11A15	Nguyễn Thu Giao	20/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111519	
23	11A15	Nguyễn Xuân Như	16/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111535	
24	11A15	Hoàng Nguyễn Tịnh Thi	02/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111539	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 44

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Nguyễn Huỳnh Mạnh Duy	05/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111007	
2	11A10	Trần Lê Hồng Ngọc	14/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111027	
3	11A10	Nguyễn Thị Minh Thư	09/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111041	
4	11A11	Nguyễn Hải Tâm An	08/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111102	
5	11A11	Hà Tấn Đạt	27/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111116	
6	11A11	Ngô Thanh Yến Nhi	03/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111127	
7	11A11	Nguyễn Phương Như	18/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111130	
8	11A11	Nguyễn Thị Quỳnh Như	30/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111132	
9	11A11	Huỳnh Thị Thanh Thúy	16/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111137	
10	11A11	Nguyễn Ngọc Thảo Vân	06/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111145	
11	11A12	Cam Thị Trúc Anh	28/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111202	
12	11A12	Kien Minh Anh	01/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111203	
13	11A12	Nguyễn Phúc Hưng	20/12/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111211	
14	11A12	Nguyễn An Khanh	18/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111215	
15	11A12	Vương Hoàng Ngọc Mỹ	11/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111221	
16	11A13	Nguyễn Thiện Chí	30/08/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111303	
17	11A13	Đỗ Thị Hoa	23/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111312	
18	11A13	Hoàng Thị Thanh Thảo	16/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111332	
19	11A14	Nguyễn Xuân Khuê Anh	07/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111404	
20	11A14	Đặng Ngọc Ánh Linh	01/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111425	
21	11A14	Trần Thị Thanh Tuyền	14/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111438	
22	11A15	Trần Quỳnh Hương	02/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111522	
23	11A15	Hứa Gia Nghi	16/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111528	
24	11A15	Trần Huỳnh Hoa Thiên	25/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111542	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 45

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Nguyễn Thiên Ân	04/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111005	
2	11A10	Phạm Đình Đông	22/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111009	
3	11A10	Lê Gia Bảo Khánh	02/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111017	
4	11A11	Nguyễn Thị Tú Anh	14/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111106	
5	11A11	Hồ Yến Nhi	07/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111126	
6	11A11	Võ Hà Uyên	26/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111144	
7	11A11	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	31/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111147	
8	11A12	Nguyễn Minh Mẫn	05/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111220	
9	11A12	Phạm Thúy Quỳnh	08/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111233	
10	11A12	Nguyễn Huỳnh Kim Thanh	24/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111237	
11	11A12	Lê Ngọc Anh Thư	28/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111241	
12	11A13	Vũ Phạm Minh Anh	11/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111301	
13	11A13	Võ Hoàng Y Phụng	08/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111327	
14	11A13	Vũ Bá Toàn	22/09/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111329	
15	11A13	Trần Uyên Thy	05/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111335	
16	11A13	Bùi Lâm Tường Vy	22/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111340	
17	11A14	Bùi Thanh Giang	09/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111411	
18	11A15	Nguyễn Gia Bảo	01/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111516	
19	11A15	Phan Nguyễn Ngọc Duyên	10/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111518	
20	11A15	Lưu Bảo Khánh	11/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111523	
21	11A15	Nguyễn Thu Ngân	13/04/2003	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111527	
22	11A15	Hà Kim Nguyên	08/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111531	
23	11A15	Nguyễn Hồ Gia Thịnh	18/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111543	
24	11A15	Lê Thị Hoài Thương	15/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111544	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: **46**

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Tổng Khánh Linh	14/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111022	
2	11A10	Phạm Hà Thê Thanh	28/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111034	
3	11A10	Nguyễn Trường Thạnh	18/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111035	
4	11A10	Lã Thanh Minh Thư	12/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111039	
5	11A11	Tăng Huỳnh Hữu Khánh	07/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111119	
6	11A11	Mai Nguyễn Diệu Linh	21/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111122	
7	11A11	Nguyễn Vũ Anh Thư	31/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111140	
8	11A12	Võ Huỳnh Nam An	06/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111201	
9	11A12	Đỗ Thúy Ngọc Khuê	07/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111216	
10	11A12	Vu Nguyễn Hoàng Vy	31/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111245	
11	11A13	Phạm Tiến Dũng	24/07/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111304	
12	11A13	Nguyễn Thanh Hoàng Duyên	11/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111305	
13	11A13	Nguyễn Gia Đại	24/07/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111306	
14	11A13	Nguyễn Hương Giang	17/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111308	
15	11A13	Lý Tiểu Mẫn	17/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111319	
16	11A13	Lương Hải Uyên	04/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111338	
17	11A13	Nguyễn Ngọc Yến Xuân	26/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111345	
18	11A14	Dương Thị Ngọc Khánh	07/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111422	
19	11A14	Nguyễn Khánh Ngọc	27/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111432	
20	11A14	Nguyễn Nhã Uyên	08/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111442	
21	11A15	Nguyễn Thanh Dung	28/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111517	
22	11A15	Trịnh Viết Huy	09/07/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111521	
23	11A15	Trương Ngọc Linh	05/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111524	
24	11A15	Nguyễn Trần Bảo Trân	28/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111545	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: **47**

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Trần Ngọc Hưng	03/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111012	
2	11A10	Trương Tuấn Kiệt	22/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111015	
3	11A10	Nguyễn Bùi Phương Linh	03/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111019	
4	11A10	Nguyễn Thị Kim Ngân	28/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111024	
5	11A10	Lã Anh Thư	25/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111038	
6	11A11	Nguyễn Ngọc Phương Đoan	13/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111117	
7	11A11	Trương Mai Phương Thảo	30/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111136	
8	11A11	Đỗ Minh Thư	27/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111138	
9	11A12	Trần Đình Nhất Đăng	05/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111206	
10	11A12	Nguyễn Lư Hoàn Hào	23/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111208	
11	11A12	Trần Nguyễn Tấn Khang	01/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111213	
12	11A12	Ngô Đặng Hoàng Mai	10/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111219	
13	11A12	Vương Thị Mai Quỳnh	13/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111234	
14	11A13	Bùi Vũ Duy Khang	22/06/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111314	
15	11A13	Lý Nguyễn Hà Lê	02/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111317	
16	11A14	Vũ Ngọc Ánh	22/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111406	
17	11A14	Nguyễn Hoàng Gia Hân	17/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111414	
18	11A14	Trần Phúc Nguyên Khang	19/12/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111421	
19	11A14	Phí Hương Trang	17/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111446	
20	11A15	Vũ Khánh An	11/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111514	
21	11A15	Ngô Ngọc Thu Hà	08/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111520	
22	11A15	Phan Hạo Nam	01/10/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111526	
23	11A15	Huỳnh Ngọc Khánh Thi	08/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111540	
24	11A15	Đinh Trúc Uyên	01/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111546	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 48

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Quách Tuấn Anh	07/08/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111004	
2	11A10	Phạm Ngọc Đan	22/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111008	
3	11A10	Trần Nhật Yến Nhi	27/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111029	
4	11A10	Bùi Ngọc Quỳnh	09/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111032	
5	11A11	Lưu Phúc Anh	07/10/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111104	
6	11A11	Nguyễn Cao Nguyên Anh	10/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111105	
7	11A11	Lê Thị Bạch Cát	26/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111112	
8	11A11	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	28/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111135	
9	11A12	Tạ Kim Ngọc	06/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111225	
10	11A12	Võ Nguyễn Nhất Phương	10/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111230	
11	11A12	Đỗ Hoài Thanh Quyên	07/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111232	
12	11A12	Lê Nhựt Minh Thùy	17/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111240	
13	11A13	Nguyễn Thanh Tú	31/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111330	
14	11A13	Trần Thông Tuệ	27/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111331	
15	11A14	Trần Thanh An	15/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111401	
16	11A14	Đoàn Nguyễn Bảo Anh	27/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111402	
17	11A14	Nguyễn Thành Đạt	07/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111410	
18	11A14	Nguyễn Thị Kim Hiếu	08/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111416	
19	11A14	Bùi Ngọc Kim Huyền	20/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111419	
20	11A14	Phạm Vũ Đông Như	29/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111435	
21	11A15	Phạm Trần Bình An	04/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111513	
22	11A15	Đặng Hoàng Minh Nhựt	05/08/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111536	
23	11A15	Trần Nguyễn Mai Phương	24/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111537	
24	11A15	Huỳnh Thanh Yến Vi	22/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111547	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 49

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Trần Nguyễn Hạnh Như	19/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111030	
2	11A10	Phạm Trần Anh Thư	11/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111042	
3	11A11	Vũ Minh Anh	05/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111109	
4	11A11	Vũ Đình Kiên	17/05/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111118	
5	11A11	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	21/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111124	
6	11A11	Nguyễn Trần Thủy Tiên	30/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111134	
7	11A12	Lê Thị Hoàng Giang	25/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111207	
8	11A12	Nguyễn Phan Bảo Lam	06/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111217	
9	11A12	Trần Đỗ Quỳnh Linh	08/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111218	
10	11A12	Lý Gia Nghi	16/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111224	
11	11A12	Đổng Ngọc Tuyết Nhung	18/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111226	
12	11A12	Nguyễn Ngọc Mai Phương	03/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111228	
13	11A12	Nguyễn Hà Thiên Tâm	29/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111235	
14	11A13	Ngô Nhật Thảo Nhi	28/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111325	
15	11A13	Tăng Quỳnh Trang	17/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111337	
16	11A13	Nguyễn Ngọc Tường Vy	23/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111343	
17	11A13	Nguyễn Võ Yến Vy	10/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111344	
18	11A14	Nguyễn Thị Đông Đào	30/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111409	
19	11A14	Nguyễn Phan Thảo Nguyên	21/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111433	
20	11A14	Nguyễn Thanh Tuấn	11/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111437	
21	11A15	Hán Tường Minh	19/12/2003	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111525	
22	11A15	Trần Phan Vân Nghi	28/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111529	
23	11A15	Huỳnh Phạm Thảo Nguyên	01/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111532	
24	11A15	Nguyễn Cao Trinh Nguyên	23/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111533	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 50

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Nguyễn Hoàng Lan Anh	13/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111003	
2	11A10	Nguyễn Võ Thiên Phúc	11/04/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111031	
3	11A10	Đỗ Mạnh Tiến	24/12/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111033	
4	11A10	Nguyễn Hồ Bảo Thiên	22/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111037	
5	11A10	Nguyễn Cao Thanh Trúc	20/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111044	
6	11A11	Lê Phan Hoài An	24/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111101	
7	11A11	Nguyễn Thiện Vân Anh	17/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111107	
8	11A11	Hồ Hoàng Ngọc Diễm	15/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111115	
9	11A11	Đào Kim Lâm	21/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111121	
10	11A11	Lê Huỳnh Quế Trân	11/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111142	
11	11A12	Lê Nguyễn Thục Khanh	01/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111214	
12	11A12	Phan Thanh Ngân	01/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111223	
13	11A12	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	22/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111236	
14	11A12	Nguyễn Thu Thảo	27/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111239	
15	11A13	Lý Bảo Hân	06/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111309	
16	11A13	Nguyễn Đoàn Gia Hân	10/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111310	
17	11A13	Nguyễn Vi Hân	07/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111311	
18	11A13	Phạm Hồng Bảo Ngọc	24/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111322	
19	11A13	Hoàng Nguyễn Thảo Vy	21/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111341	
20	11A14	Lê Hoàng Linh Đan	08/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111408	
21	11A14	Phạm Gia Hân	11/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111415	
22	11A14	Nguyễn Thị Thảo	11/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111439	
23	11A14	Lưu Nguyễn Tường Vy	14/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111443	
24	11A15	Vũ Quang Bình An	11/07/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111515	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 51

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Ngô Gia Hân	26/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111010	
2	11A10	Nguyễn Thanh Ngọc Kim	30/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111016	
3	11A11	Nguyễn Huy Ngọc Phương	02/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111133	
4	11A11	Trần Xuân Trúc	29/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111143	
5	11A11	Đặng Ngọc Tường Vy	24/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111146	
6	11A12	Đinh Phạm Thanh Ngân	21/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111222	
7	11A12	Phạm Ngọc Uyên Phương	11/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111229	
8	11A12	Trần Ngọc Thanh Uyên	05/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111243	
9	11A13	Lê Võ Huỳnh Hương	19/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111313	
10	11A13	Đoàn Trần Khánh Minh	15/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111320	
11	11A13	Phạm Nguyễn Hạnh Nguyên	17/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111324	
12	11A13	Phạm Đặng Cường Thịnh	01/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111333	
13	11A13	Nguyễn Hoàng Linh Trang	16/05/2002	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111336	
14	11A13	Nguyễn Ngọc Tú Vy	07/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111342	
15	11A13	Phạm Nguyễn Mỹ Yến	26/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111346	
16	11A14	Tào Hoài Ân	14/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111407	
17	11A14	Nguyễn Lê The Hy	26/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111420	
18	11A14	Nguyễn Phan Trà My	14/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111428	
19	11A14	Lê Diễm Quỳnh	14/11/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111436	
20	11A14	Bùi Thiện Thanh Trang	22/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111440	
21	11A15	Lê Trịnh Bích Ngọc	04/09/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111530	
22	11A15	Nguyễn Lê Tuyết Như	21/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111534	
23	11A15	Nguyễn Hoàng Thảo Quyên	30/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111538	
24	11A15	Nguyễn Trần Gia Vy	07/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111548	
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 52

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A10	Phan Minh Hương	21/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111013	
2	11A10	Nguyễn Lê Minh Vy	10/05/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111046	
3	11A12	Phạm Thị Lan Hương	21/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111212	
4	11A13	Trần Huỳnh Phương Nghi	20/12/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111321	
5	11A13	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	26/04/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111326	
6	11A13	Nguyễn Thảo Vân	28/10/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111339	
7	11A14	Nguyễn Hoàng	29/10/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111417	
8	11A14	Nguyễn Võ Gia Huy	16/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111418	
9	11A14	Lê Anh Khoa	22/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Anh)	111423	
10	11A14	Nguyễn Hồng Thảo Vy	06/07/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111444	
11	11A14	Nguyễn Hiền Xuân	08/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Anh)	111445	
12	11A15	Bùi Văn Cường	09/11/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	111501	
13	11A15	Lê Việt Cường	27/02/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	111502	
14	11A15	Phạm Thị Mỹ Duyên	06/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	111503	
15	11A15	Nguyễn Trần Minh Hoàng	14/03/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	111504	
16	11A15	Nguyễn Thái Đăng Khoa	03/01/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	111505	
17	11A15	Bùi Nguyễn Việt Khuê	20/02/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	111506	
18	11A15	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	06/03/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	111507	
19	11A15	Ngô Gia Tín	13/06/2004	Nam	D(Toán, Văn, Nhật)	111508	
20	11A15	Lê Phạm Hoàng Thy	09/06/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	111510	
21	11A15	Nguyễn Lê Bảo Vy	20/01/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	111511	
22	11A15	Trần Ngọc Yến	25/08/2004	Nữ	D(Toán, Văn, Nhật)	111512	
23							
24							
25							
26							
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: **53**

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A3	Hoàng Linh Chi	04/10/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110304	
2	11A3	Trần Thị Linh Chi	17/04/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110305	
3	11A3	Nguyễn Đức Khải Gia	11/08/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110307	
4	11A3	Trần Vũ Thiên Kim	15/09/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110315	
5	11A3	Triệu Ngọc Mai	01/01/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110320	
6	11A3	Nguyễn Anh Minh	07/07/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110321	
7	11A3	Vũ Bảo Ngọc	14/04/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110323	
8	11A3	Nguyễn Thụy Hà Phương	15/02/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110327	
9	11A3	Trịnh Ngọc Phương Thảo	18/03/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110336	
10	11A3	Lê Ngọc Phương Uyên	09/11/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110340	
11	11A3	Nguyễn Hùng Vũ	14/07/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110341	
12	11A4	Lê Trần Minh Anh	05/06/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110401	
13	11A4	Vũ Ngọc Gia Bảo	10/06/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110406	
14	11A4	Vũ Nguyên Bảo	21/10/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110407	
15	11A4	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	29/12/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110410	
16	11A4	Lê Thị Thùy Dương	18/09/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110411	
17	11A4	Lê Thị Hồng Hân	26/09/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110412	
18	11A4	Tạ Bảo Hân	10/08/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110414	
19	11A4	Lê Phước Chí Kiên	03/08/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110415	
20	11A4	Đinh Khánh Linh	22/08/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110419	
21	11A4	Trần Song Ngân	24/02/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110421	
22	11A4	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	30/01/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110423	
23	11A4	Huỳnh Tấn Phát	03/03/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110424	
24	11A4	Nguyễn Trương Bảo Tiên	31/05/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110426	
25	11A4	Nguyễn Minh Tuấn	12/08/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110427	
26	11A4	Nguyễn Thiên	12/09/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110432	
27	11A4	Võ Thụy Phương Thùy	02/09/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110433	
28	11A4	Nguyễn Thị Khánh Trâm	03/08/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110435	
29	11A4	Nguyễn Dương Nhã Trúc	02/04/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110437	
30							
31							
32							
33							
34							
35							

**DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA TẬP TRUNG
GIỮA HỌC KÌ 2, NĂM HỌC 2020-2021**

PHÒNG: 54

STT	LỚP	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	KHỐI	SỐ BÁO DANH	GHI CHÚ
1	11A3	Lê Nguyễn Trâm Anh	20/12/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110301	
2	11A3	Lý Minh Duy	12/08/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110306	
3	11A3	Ngô Quang Huy	26/11/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110312	
4	11A3	Võ Trần Anh Khôi	14/05/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110317	
5	11A3	Nguyễn Đặng Thanh Liêm	11/11/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110319	
6	11A3	Nguyễn Trần Uyên Nhi	02/03/2003	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110325	
7	11A3	Lã Huy Minh Quang	22/09/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110328	
8	11A3	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	21/09/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110339	
9	11A4	Nguyễn Lê Chiêu Anh	11/07/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110402	
10	11A4	Nguyễn Việt Anh	11/11/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110403	
11	11A4	Phạm Hồng Anh	14/10/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110404	
12	11A4	Nguyễn Kim Ánh	26/04/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110405	
13	11A4	Cao Nguyễn Mộng Cầm	06/01/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110408	
14	11A4	Nguyễn Tuấn Dũng	13/04/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110409	
15	11A4	Nguyễn Ngọc Châu Hân	11/03/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110413	
16	11A4	Nguyễn Cao Đăng Khoa	18/09/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110416	
17	11A4	Võ Sao Khuê	29/10/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110417	
18	11A4	Nguyễn Thọ Hoàng Lâm	23/06/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110418	
19	11A4	Phan Tuấn Mạnh	05/10/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110420	
20	11A4	Trịnh Bảo Ngọc	16/10/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110422	
21	11A4	Cao Minh Tâm	14/01/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110425	
22	11A4	Trần Đình Tuyền	23/01/2004	Nam	B(Toán, Hóa, Sinh)	110428	
23	11A4	Giang Ngọc Phương Thanh	16/08/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110430	
24	11A4	Nguyễn Triệu Ngọc Thanh	08/11/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110431	
25	11A4	Nguyễn Trương Lê Thu	15/11/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110434	
26	11A4	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	26/03/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110436	
27	11A4	Nguyễn Thanh Trúc	25/12/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110438	
28	11A4	Đào Uyên Vi	28/08/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110439	
29	11A4	Nguyễn Ngọc Tường Vy	12/09/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110440	
30	11A4	Phạm Đoàn Khánh Vy	20/12/2004	Nữ	B(Toán, Hóa, Sinh)	110441	
31							
32							
33							
34							
35							